

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2019

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hảo

Hội thẩm nhân dân : 1/ Bà Trần Thị Hồng Ngọc

2/ Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp B tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2019 tại trụ sở, Tòa án ND TP B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1064/2019TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/08/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 216/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm 1990;

Địa chỉ: phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Hằng, ông Sơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông S tự nguyện kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn đúng theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng lớn, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, nên bà xin ly hôn với ông S.

Về quan hệ con chung: Quá trình vợ chồng chung sống ông bà có 01 con chung cháu Nguyễn Trần L, sinh ngày 03/12/2012. Ly hôn, bà sẽ nuôi dưỡng con, tạm thời không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn S không có lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông S đã trầm trọng, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung: Hiện con đang sống cùng mẹ nên giao bà H nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét; Về Tài sản chung, về nợ chung: không có ý kiến ông S về phần này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn S cư trú tại (xã) phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên đơn xin ly hôn của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà H có đơn xin vắng mặt, ông S vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án không lý do nên Tòa án mở phiên tòa xét xử là đúng quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H, ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm năm 2012, được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H, ông S là có thật, ông S được Tòa án triệu tập đến Tòa nhiều lần nhưng vắng mặt, thể hiện sự bỏ mặc, không quan tâm đến việc hàn gắn cùng bà H. Tòa án đã thuyết phục nhưng bà H cương quyết xin ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm với ông S, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H ông S đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, nên chấp nhận.

- Về con chung: có 01 con chung cháu Nguyễn Trần L, sinh ngày 03/12/2012 hiện đang sống cùng mẹ nên giao con cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp, bà H không yêu cầu nên tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung, về nợ chung: không có ý kiến ông S về phần này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn yêu cầu.

Bà H phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 203; Điều 220; Điều 227, Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 87, 88, 89, 91, 92, 93, 94 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bà Trần Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Bà Trần Thị H được ly hôn ông Nguyễn S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần L, sinh ngày 03/12/2012 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Ông S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về Tài sản chung, về nợ chung: tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn yêu cầu.

Về án phí HNGĐ-ST: bà Trần Thị H phải nộp 300.000đ được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 004790 ngày 10/5/2019 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà H ông S biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (2);
- VKS (2);
- THA Dân sự (1);
- Lưu (4);
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH(1);
- Đương sự (2).

Nguyễn Thị Phương Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa